

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:106/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2023
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh – Bà Nguyễn Thị Nhân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 ,về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:240/2023/QĐST- HNGĐ ngày 14/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2023/QĐ-HPT ngày 30/8/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N, sinh năm 1980.

Trú tại: xóm A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1980.

Trú tại: xóm E, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai, ý kiến của nguyên đơn được ghi trong biên bản hòa giải và trình bày tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn S làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/9/1999. Trước khi cưới chị N, anh S có quá trình yêu đương tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình. Theo chị N sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, trong cuộc sống chung có nhiều va chạm, xử sự

không đúng mực đối với nhau, gây khó chịu cho nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến công việc, sức khỏe và tinh thần của chị N. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã được hòa giải tại gia đình, nhưng tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện, ngược lại mâu thuẫn ngày càng sâu sắc trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn sâu sắc xác định hôn nhân đã tan rã vỡ nên chị N đã chủ động sống ly thân, cắt đứt liên lạc đối với anh S từ tháng 3/2012 đến nay. Chị N xác định không còn tình cảm đối với anh S nữa, hôn nhân đã hoàn toàn đổ vỡ, sợ dây kết nối hôn nhân đã mất, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng không đoàn tụ. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn S để ổn định cuộc sống.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có hai con chung cháu Nguyễn Thị T (Gới tính: Nữ), sinh ngày 11/7/2000 và cháu Nguyễn Văn N1 (Giới tính: N2) sinh ngày 25/02/2022. Con chung của vợ chồng đã trưởng thành, sức khỏe tốt, chị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Chị Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn S. Tòa án đã niêm yết tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn S cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh Nghệ An, bị đơn cư trú tại xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã niêm yết tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn không hợp tác để giải quyết. Do đó thẩm phán, thư ký viên đã lập biên bản về việc vắng của bị đơn làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được niêm yết, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các

đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Văn S1.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N, anh Nguyễn Văn S tự nguyện tiến tới hôn nhân, điều kiện kết hôn của chị N, anh S đầy đủ. Trước khi cưới chị N, anh S đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND C, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/9/1999. Việc đăng ký kết hôn giữa chị N, anh S đã xác tính pháp lý trong hôn nhân, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị N, anh S tan rã, đổ vỡ là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quá trình sống chung không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân, các bên đã có những lời nói, xử sự không đúng mực với nhau trong quá trình sống chung. Xác định hôn nhân đã đổ vỡ nên chị N đã chủ động sống ly thân cắt đứt các mối quan hệ đối với anh S2 kể từ đầu năm 2012. Kể từ ngày sống ly thân cho đến nay đã là 11 năm, quá trình này hai không có ý thức hòa giải níu kéo hôn nhân, để mặc hậu quả xảy ra. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị N, anh S đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa hai người không còn, mục đích chung hôn nhân không đạt như chị N mong muốn. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

- Về quan hệ con chung: Con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên miễn xét.

- Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị N không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Lê Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Lê Thị N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí chị N phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: AA/2022/0000995 ngày 11/7/2023, chị N đã nộp đủ án

phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã C, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã C (Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc